

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn Hoàng, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Bé N, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Bé N tự nguyện

chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu ông và bà N chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống giữa ông và bà N không còn hạnh phúc như lúc ban đầu, nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Bé N. Trong quá trình chung sống ông và bà N có một người con chung tên Đặng Nguyễn H1, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2015, con chung đang chung sống với ông và bà N. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 9 năm 2019 bị đơn bà Nguyễn Bé N trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà thừa nhận lời trình bày của ông Đặng Văn H về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng là đúng, nhưng do bà còn tình cảm nên bà không đồng ý ly hôn với ông H. Về con chung bà và ông H có một người con chung tên Đặng Nguyễn H1, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2015, nếu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn H về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Bé N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Bé N, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Bé N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Bé N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Bé N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông H và bà N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông H giữ yêu cầu ly hôn với bà N vì cho rằng trong quá trình

chung sống giữa ông và bà N thường xuyên cự cãi do bà N thường xuyên về nhà mẹ ruột, ông khuyên ngăn không được. Bà N không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ. Tại phiên tòa ông H cho rằng trong quá trình chung sống giữa ông và bà N không có đánh đập nhau và ông còn thương bà N, lý do ông yêu cầu ly hôn là do ông giận mẹ vợ. Ông H yêu cầu ly hôn nhưng không chứng minh được mâu thuẫn của vợ chồng. Bà N xác định còn thương ông H và không đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông H và bà N không có mâu thuẫn, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H về việc xin ly hôn với bà N.

[4] Về quyền nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H nên con chung, tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông H phải chịu 300.000đ, ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Bé N.

Về án phí: Ông Đặng Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019406 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Bé N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều